

## THƯ MỜI BÁO GIÁ

Thực hiện gói thầu “Chọn đơn vị xét nghiệm để thực hiện Chương trình giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt năm 2025”



Kính gửi: Quý Công ty

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố tổ chức đấu thầu gói thầu “Chọn đơn vị xét nghiệm để thực hiện Chương trình giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt năm 2025”.

Quý đơn vị quan tâm, vui lòng báo giá với các nội dung sau:

Stt	Tên mẫu	Thông số xét nghiệm	Đơn vị	Số lượng
1.	Nước có công suất thiết kế từ 30.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm trở lên	99 thông số (Bảng thông số đính kèm) QCVN 01-1:2024/BYT	Mẫu	7
2.	Mạng lưới cấp nước	99 thông số (Bảng thông số đính kèm) QCVN 01-1:2024/BYT	Mẫu	151
3.	Nước có công suất thiết kế từ 1.000m <sup>3</sup> /ngày đêm đến dưới 15.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm	99 thông số (Bảng thông số đính kèm) QCVN 01-1:2024/BYT	Mẫu	58
4.	Nước có công suất dưới 1.000m <sup>3</sup> / ngày đêm	99 thông số (Bảng thông số đính kèm) QCVN 01-1:2024/BYT	Mẫu	8
5.	Mẫu vi sinh	4 thông số (Bảng thông số đính kèm) QCVN 01-1:2018/BYT	Mẫu	1.982

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố đề nghị bảng báo giá ghi đầy đủ các nội dung sau:

- Đơn giá bằng tiền đồng Việt Nam + VAT, giá đã trừ chiết khấu và các chi phí khác (nếu có).



- Bảng báo giá có giá trị trong vòng 60 ngày.
- Bảng báo giá có đóng dấu của đơn vị, bỏ vào phong bì, dán kín, niêm phong và gửi về: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố, địa chỉ số 366A Âu Dương Lân, phường 3, quận 8, TP. Hồ Chí Minh (người nhận: CN.Trần Trọng Tuấn, phòng Kế hoạch Nghiệp vụ).
- Hạn chót nhận báo giá trước 17h00 ngày 28/3/2025

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Trang thông tin điện tử;
- Lưu: VT. P.KHNV.



**Nguyễn Hồng Tâm**

**BẢNG THÔNG SỐ XÉT NGHIỆM VI SINH THEO**  
**QCVN 01-1:2018/BYT**

TT	Tên thông số	Đơn vị tính	Ngưỡng giới hạn cho phép	Mức độ giám sát
	<i>Thông số vi sinh vật</i>			
1.	Coliform	CFU/100 mL	<3	A
2.	E.Coli hoặc Conform chịu nhiệt	CFU/100 mL	<1	A
3.	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/ 100mL	< 1	B
4.	Trực khuẩn mũ xanh (Ps. Aeruginosa)	CFU/ 100mL	< 1	B



**BẢNG THÔNG SỐ XÉT NGHIỆM THEO**  
**QCVN 01-1:2024/BYT**

TT	Tên thông số	Đơn vị tính	Ngưỡng giới hạn cho phép	Mức độ giám sát
<b>Các thông số nhóm A</b>				
<i>a. Thông số vi sinh vật</i>				
1	Coliform tổng số	CFU/100 ML hoặc MPN/100mL	< 1	A
2	<i>E. coli</i> hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL hoặc MPN/100mL	< 1	A
<i>b. Thông số cảm quan và hoá học</i>				
3	Màu sắc	TCU	15	A
4	Mùi(*)	-	Không có mùi lạ	A
5	pH(*)	-	Trong khoảng 6,0-8,5	A
6	Độ đục	NTU	2	A
7	Asen (Arsenic) (As)	mg/L	0,01	A
8	Clo dư tự do(*)	mg/L	Trong khoảng 0,2-1,0	A
9	Permanganat	mg/L	2	A
10	Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)	mg/L	1	A
<b>Các thông số nhóm B</b>				
<i>a. Thông số hoá học</i>				
11	Trực khuẩn mủ xanh ( <i>Pseudomonas aeruginosa</i> )	CFU/100mL	< 1	B
12	Tụ cầu vàng ( <i>Staphylococcus aureus</i> )	CFU/100mL	< 1	B
13	Antimon (Sb)	mg/L	0,02	B
14	Bari (Ba)	mg/L	1,3	B
15	Bor tính chung cho cả Borat và axit Boric (B)	mg/L	2,4	B
16	Cadmi (Cd)	mg/L	0,003	B
17	Chì (Plumbum) (Pb)	mg/L	0,01	B
18	Clorua (Chloride) (Cl <sup>-</sup> )	mg/L	250 hoặc 300(**)	B
19	Chromi (Cr)	mg/L	0,05	B
20	Đồng (Cuprum) (Cu)	mg/L	1	B
21	Độ cứng, tính theo CaCO <sub>3</sub>	mg/L	300	B
22	Florua (Fluoride) (F <sup>-</sup> )	mg/L	1,5	B
23	Kẽm (Zincum) (Zn)	mg/L	2	B
24	Mangan (Mn)	mg/L	0,1	B
25	Natri (Na)	mg/L	200	B
26	Nhôm (Aluminium) (Al)	mg/L	0,2	B

27	Nickel (Ni)	mg/L	0,07	B
28	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> tính theo N)	mg/L	11	B
29	Nitrit (NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> tính theo N)	mg/L	0,9	B
30	Sắt (Ferrum) (Fe)	mg/L	0,3	B
31	Seleni (Se)	mg/L	0,04	B
32	Sulfat (Sulfate) (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> )	mg/L	250	B
33	Sunfua (Sulfide) (S <sup>2-</sup> )	mg/L	0,05	B
34	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	0,001	B
35	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	1.000	B
36	Xyanua (Cyanide) (CN <sup>-</sup> )	mg/L	0,05	B
<b>Nhóm Alkan Clo hóa</b>				
37	1,1,1 - Trichloroethane (C <sub>2</sub> H <sub>3</sub> Cl <sub>3</sub> )	µg/L	2.000	B
38	1,2 - Dichloroethane (C <sub>2</sub> H <sub>4</sub> Cl <sub>2</sub> )	µg/L	30	B
39	1,2 - Dichloroethene (C <sub>2</sub> H <sub>2</sub> Cl <sub>2</sub> )	µg/L	50	B
40	Carbon tetrachloride (CCl <sub>4</sub> )	µg/L	2	B
41	Dichloromethane (CH <sub>2</sub> Cl <sub>2</sub> )	µg/L	20	B
42	Tetrachloroethene (C <sub>2</sub> Cl <sub>2</sub> )	µg/L	40	B
43	Trichloroethene (C <sub>2</sub> HCl <sub>3</sub> )	µg/L	8	B
44	Vinyl chloride (C <sub>2</sub> H <sub>3</sub> Cl)	µg/L	0,3	B
<b>Nhóm Hydrocacbua thơm</b>				
45	Benzene (C <sub>6</sub> H <sub>6</sub> )	µg/L	10	B
46	Ethylbenzene (C <sub>8</sub> H <sub>10</sub> )	µg/L	300	B
47	Pentachlorophenol (C <sub>6</sub> HCl <sub>5</sub> O)	µg/L	9	B
48	Styrene (C <sub>8</sub> H <sub>8</sub> )	µg/L	20	B
49	Toluene (C <sub>7</sub> H <sub>8</sub> )	µg/L	700	B
50	Xylene (C <sub>8</sub> H <sub>10</sub> )	µg/L	500	B
<b>Nhóm Benzen Clo hóa</b>				
51	1,2 - Dichlorobenzene (C <sub>6</sub> H <sub>4</sub> Cl <sub>2</sub> )	µg/L	1.000	B
52	Monochlorobenzene (C <sub>6</sub> H <sub>5</sub> Cl)	µg/L	300	B
53	Tổng Trichlorobenzene (C <sub>6</sub> H <sub>3</sub> Cl <sub>3</sub> )	µg/L	20	B
<b>Nhóm chất hữu cơ phức tạp</b>				
54	Acrylamide (C <sub>3</sub> H <sub>5</sub> NO)	µg/L	0,5	B
55	Epichlorohydrin (C <sub>3</sub> H <sub>5</sub> ClO)	µg/L	0,4	B
56	Hexachlorobutadiene (C <sub>4</sub> Cl <sub>6</sub> )	µg/L	0,6	B
<b>Nhóm hóa chất bảo vệ thực vật</b>				
57	1,2- Dibromo - 3 chloropropane (C <sub>3</sub> H <sub>5</sub> Br <sub>2</sub> Cl)	µg/L	1	B
58	1,2 - Dichloropropane (C <sub>3</sub> H <sub>6</sub> Cl <sub>2</sub> )	µg/L	40	B
59	1,3- Dichloropropene (C <sub>3</sub> H <sub>6</sub> Cl <sub>2</sub> )	µg/L	20	B
60	2,4-D (C <sub>8</sub> H <sub>6</sub> Cl <sub>2</sub> O <sub>3</sub> )	µg/L	30	B
61	2,4 - DB (C <sub>10</sub> H <sub>10</sub> Cl <sub>2</sub> O <sub>3</sub> )	µg/L	90	B
62	Alachlor (C <sub>14</sub> H <sub>20</sub> ClNO <sub>2</sub> )	µg/L	20	B
63	Aldicarb (C <sub>7</sub> H <sub>14</sub> N <sub>2</sub> O <sub>2</sub> S)	µg/L	10	B

64	Atrazine (C <sub>8</sub> H <sub>14</sub> ClN <sub>5</sub> ) và các dẫn xuất chloro-s-triazine	µg/L	100	B
65	Carbofuran (C <sub>12</sub> H <sub>15</sub> NO <sub>3</sub> )	µg/L	5	B
66	Chlorpyrifos (C <sub>9</sub> H <sub>11</sub> Cl <sub>3</sub> NO <sub>3</sub> PS)	µg/L	30	B
67	Chlordane (C <sub>10</sub> H <sub>6</sub> Cl <sub>8</sub> )	µg/L	0,2	B
68	Chlorotoluron (C <sub>10</sub> H <sub>13</sub> ClN <sub>2</sub> O)	µg/L	30	B
69	Cyanazine (C <sub>9</sub> H <sub>13</sub> ClN <sub>6</sub> )	µg/L	0,6	B
70	DDT (C <sub>14</sub> H <sub>9</sub> Cl <sub>5</sub> ) và các dẫn xuất	µg/L	1	B
71	Dichlorprop (C <sub>9</sub> H <sub>8</sub> Cl <sub>2</sub> O <sub>3</sub> )	µg/L	100	B
72	Fenoprop (C <sub>9</sub> H <sub>7</sub> Cl <sub>3</sub> O <sub>3</sub> )	µg/L	9	B
73	Hydroxyatrazine (C <sub>8</sub> H <sub>15</sub> N <sub>5</sub> O)	µg/L	200	B
74	Isoproturon (C <sub>12</sub> H <sub>18</sub> N <sub>2</sub> O)	µg/L	9	B
75	MCPA (C <sub>9</sub> H <sub>9</sub> ClO <sub>3</sub> )	µg/L	2	B
76	Mecoprop (C <sub>10</sub> H <sub>11</sub> ClO <sub>3</sub> )	µg/L	10	B
77	Methoxychlor (C <sub>16</sub> H <sub>15</sub> Cl <sub>3</sub> O <sub>2</sub> )	µg/L	20	B
78	Molinate (C <sub>9</sub> H <sub>17</sub> NOS)	µg/L	6	B
79	Pendimethalin (C <sub>13</sub> H <sub>19</sub> N <sub>3</sub> O <sub>4</sub> )	µg/L	20	B
80	Permethrin (C <sub>21</sub> H <sub>20</sub> Cl <sub>2</sub> O <sub>3</sub> )	µg/L	20	B
81	Propanil (C <sub>9</sub> H <sub>9</sub> Cl <sub>2</sub> NO)	µg/L	20	B
82	Simazine (C <sub>7</sub> H <sub>12</sub> ClN <sub>5</sub> )	µg/L	2	B
83	Trifluralin (C <sub>13</sub> H <sub>16</sub> F <sub>3</sub> N <sub>3</sub> O <sub>4</sub> )	µg/L	20	B
<b>Nhóm hóa chất khử trùng và sản phẩm phụ</b>				
84	2,4,6 - Trichlorophenol (C <sub>6</sub> H <sub>2</sub> Cl <sub>3</sub> OH)	µg/L	200	B
85	Bromat (BrO <sub>3</sub> <sup>-</sup> )	µg/L	10	B
86	Formaldehyde (CH <sub>2</sub> O)	µg/L	500	B
87	Monochloramine (NH <sub>3</sub> Cl)	µg/L	3.000	B
<b>Nhóm Trihalomethane (THM)</b>				
88	Bromodichloromethane (CHBrCl <sub>2</sub> )	µg/L	60	B
89	Bromoform (CHBr <sub>3</sub> )	µg/L	100	B
90	Chloroform (CHCl <sub>3</sub> )	µg/L	300	B
91	Dibromochloromethane (CHBr <sub>2</sub> Cl)	µg/L	100	B
<b>Nhóm Halogenated acetonitrile</b>				
92	Dibromoacetonitrile (C <sub>2</sub> HBr <sub>2</sub> N)	µg/L	70	B
93	Dichloroacetonitrile (C <sub>2</sub> HCl <sub>2</sub> N)	µg/L	20	B
94	Trichloroacetonitrile (C <sub>2</sub> Cl <sub>3</sub> N)	µg/L	1	B
<b>Nhóm Haloacetic acid (HAA)</b>				
95	Acid monochloroacetic (C <sub>2</sub> H <sub>3</sub> ClO <sub>2</sub> )	µg/L	20	B
96	Acid dichloroacetic (C <sub>2</sub> H <sub>2</sub> Cl <sub>2</sub> O <sub>2</sub> )	µg/L	50	B
97	Acid trichloroacetic (C <sub>2</sub> HCl <sub>3</sub> O <sub>2</sub> )	µg/L	200	B
<b>b. Thông số nhiễm xạ</b>				
98	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	0,1	B
99	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	1,0	B